

TOÁN

Bài 47: LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ



Các số la mã từ 1 đến 20

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

1 Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?



A

giờ



B

giờ



C

giờ



D

giờ



2

Chọn cặp số và số La Mã thích hợp

13



XV



15



XIII



11



XVII



17



XI



KẾT NỐI TRI THỨC

LIVEWORKSHEETS



3

Viết các số sau thành số La Mã:

Một, ba, sáu, chín, mười hai, mười tám, hai mươi

Một:

Chín:

Hai mươi:

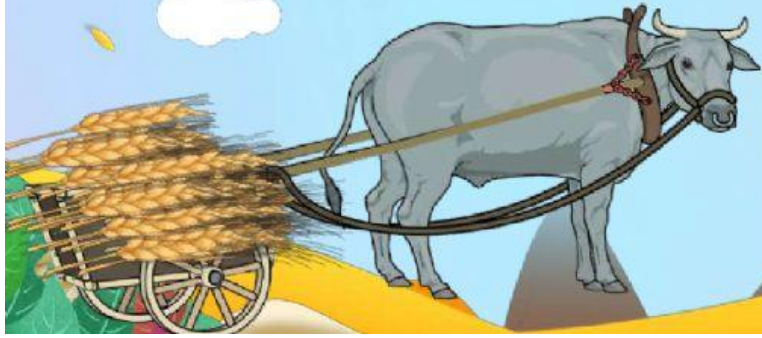
Ba:

Mười hai:

Sáu:

Mười tám:

TẠM BIỆT VÀ HẸN GẶP LẠI



 **LIVEWORKSHEETS**